

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẾN TRE Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2019/HS-PT

Ngày: 27-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc B do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2019/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Nguyễn Ngọc B**, sinh năm 1991 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị S; vợ: Nguyễn Thị Thảo U, sinh năm 1994; con: có 01 người con sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Bị hại:

+ Anh Võ Thanh P, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Số xxxC, khu phố B, Phường x, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; có mặt.

+ Cháu Võ Thanh T, sinh năm 2005. Nơi cư trú: Số xxxC, khu phố B, Phường x, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; có mặt. Anh Võ Thanh P là đại diện hợp pháp của cháu Võ Thanh T.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Võ Thanh T: Ông Nguyễn Minh Khoa – là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 05/7/2018, sau khi đã có uống rượu, Nguyễn Ngọc B điều khiển xe mô tô biển số 71B3 - xxx.xx chở sau Nguyễn Hoàng Quốc B lưu thông trên ĐH 01 theo hướng từ nghĩa trang liệt sĩ huyện Châu Thành về ngã tư T. Khi lưu thông đến đoạn đường thuộc ấp P, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Ngọc B phát hiện phía trước cùng chiều có xe mô tô không rõ biển số và người điều khiển đang lưu thông nên B điều khiển xe mô tô lấn sang phần đường bên trái để vượt lên. Vừa lúc này, B phát hiện xe mô tô biển số 71S5 - xxxx do anh Võ Thanh P chở sau cháu Võ Thanh T (con ruột anh P) đang lưu thông theo hướng ngược lại chỉ còn cách B khoảng 10 mét nên B không xử lý kịp dẫn đến va chạm.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường được lập vào ngày 05/07/2018, xác định được:

- Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, rộng 04 mét.
- Hiện trường được vẽ theo hướng Bắc, chọn mép đường bên phải theo hướng từ nghĩa trang liệt sĩ tỉnh về hướng ngã tư T làm lề chuẩn.
- Xe mô tô biển số 71S5 - xxxx sau va chạm ở trạng thái ngã nghiêng bên phải, nằm trên mặt ĐH 01; đầu xe quay về hướng Tây, đuôi xe quay về hướng Đông; trực trước cách lề chuẩn 3,30 mét, trực sau cách lề chuẩn 3,50 mét.
- + Vết cày xe mô tô biển số 71S5 - xxxx dài 1,38 mét; đầu vết cày cách lề chuẩn 2,38 mét, đuôi vết cày cách lề chuẩn 3,35 mét.
- Xe mô tô biển số 71B3 - xxx.xx sau tai nạn ở trạng thái ngã nghiêng bên trái, nằm bên trong lề phải, đầu xe quay về hướng Tây, đuôi xe quay về hướng Đông; trực trước cách lề chuẩn 3,15 mét, trực sau cách lề chuẩn 3,42 mét.
- + Vết trượt xe mô tô biển số 71B3 - xxx.xx có kích thước (13 x 0,13) mét; nằm trên mặt đường ĐH 01 và một phần bên trong lề phải; đầu vết trượt cách lề chuẩn 2,20 mét, đuôi vết trượt cách lề chuẩn 0,17 mét.
- Khu vực mảnh vỡ 1 có kích thước (4,60 x 1,80) mét, tâm khu vực mảnh vỡ cách lề chuẩn là 0,55 mét.
- Khu vực mảnh vỡ 2 có kích thước (2,10 x 1,30) mét, tâm khu vực mảnh vỡ cách lề chuẩn là 3,30 mét.

Vật chứng tạm giữ:

- + 01 (một) xe mô tô biển số 71S5 - xxxx;
- + 01 (một) xe mô tô biển số 71B3 - xxx.xx;
- + 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 71S5 - xxxx;

- + 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 71B3 - xxx.xx;
- + 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 tên Nguyễn Ngọc B.
- + 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 tên Võ Thanh P.

Tại bản kết luận giám định số 3976/C09B ngày 03/01/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: dấu vết trượt xước, nứt vỡ, cong biến dạng các chi tiết bên trái xe mô tô biển số 71B3 - xxx.xx (cung trước chắn bùn bánh trước, bánh trước, giảm xóc, tay lái, yếm, đế chân trước, cần số) có chiều từ trước về sau phù hợp với dấu vết trượt xước, nứt vỡ, cong biến dạng các chi tiết bên trái xe mô tô biển số 71S5 - xxxx (cung chắn bùn bánh trước, giảm xóc trước, tay lái, lóc máy, cần số, đế chân, ốp thân xe) có chiều từ trước về sau. Trên cơ sở đó xác định: phần bên trái xe mô tô biển số 71B3 - xxx.xx và phía trước bên trái xe mô tô biển số 71S5 - xxxx là vị trí va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện; vị trí va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện chiếu xuống mặt đường nằm bên phần đường bên phải đường huyện 01 theo hướng từ ngã tư T đi nghĩa trang liệt sĩ huyện Châu Thành.

Thông qua công tác khám nghiệm hiện trường xác định được lỗi trong vụ tai nạn giao thông là do Nguyễn Ngọc B điều khiển xe mô tô biển số 71B3 - xxx.xx lưu thông không đúng phần đường, lấn trái gây tai nạn. Hành vi của Nguyễn Ngọc B đã vi phạm vào khoản 8 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

Tại phiếu xét nghiệm nồng độ cồn trong máu của Nguyễn Ngọc B vào lúc 23 giờ 55 phút ngày 05/7/2018 của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu là 140 mg/100ml.

Tại các bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 241-818/TgT, số 242-818/TgT ngày 31/8/2018, Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của Võ Thanh T là 62%, của Võ Thanh P là 31%.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Châu Thành đã trả lại xe mô tô biển số 71S5 - xxxx và giấy đăng ký xe mô tô biển số 71S5 - xxxx cho chủ sở hữu là ông Võ Văn S, sinh năm 1963, đăng ký thường trú: khu phố B, Phường x, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Riêng đối với xe mô tô biển số 71B3 - xxx.xx, giấy đăng ký xe mô tô biển số 71B3 - xxx.xx, giấy phép lái xe hạng A1 tên Nguyễn Ngọc B, giấy phép lái xe hạng A1 tên Võ Thanh P Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Châu Thành đề nghị tiếp tục tạm giữ.

Anh Võ Thanh P yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc B bồi thường các khoản thiệt hại của mình bao gồm chi phí chữa trị, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng là 35.356.000 đồng; phần thu nhập thực tế bị mất là 43.200.000 đồng; tiền tổn thất về tinh thần là 41.700.000 đồng; anh Võ Thanh P cũng thay mặt cho cháu Võ Thanh

T yêu cầu bồi thường các khoản thiệt hại gồm chi phí chữa trị là 151.253.000 đồng; chi phí thuê xe đi điều trị và tái khám là 12.000.000 đồng; tiền tổn thất về tinh thần là 69.500.000 đồng. Tổng cộng 397.202.000 đồng. Hiện bị cáo Nguyễn Ngọc B đã bồi thường thiệt hại cho anh Võ Thanh P với số tiền là 20.000.000 đồng, anh Võ Thanh P yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc B phải tiếp tục bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 377.202.000 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2019/HSST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc B phạm “*Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù;

- Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

+ Ghi nhận bị cáo Nguyễn Ngọc B đã bồi thường thiệt hại cho Võ Thanh P và Võ Thanh T số tiền 20.000.000 đ (hai mươi triệu đồng);

+ Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc B tiếp tục bồi thường cho Võ Thanh P và Võ Thanh T số tiền 377.202.000 đ (ba trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm lẻ hai ngàn đồng);

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Về án phí: áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

+ Án phí hình sự sơ thẩm: buộc bị cáo Nguyễn Ngọc B phải nộp 200.000 đ (hai trăm ngàn đồng);

+ Án phí dân sự sơ thẩm: buộc bị cáo Nguyễn Ngọc B phải nộp là 19.435.500 đ (mười chín triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn năm trăm đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/7/2019 bị cáo Nguyễn Ngọc B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo hưởng án treo, đồng thời yêu cầu giảm nhẹ tiền

án phí và giảm tiền bồi thường thiệt hại đối với phần tiền bồi thường cho Võ Thanh P và Võ Thanh T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên. Bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo, cụ thể: bị cáo kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo và giảm tiền bồi thường thiệt hại đối với phần tiền bồi thường cho Võ Thanh P và Võ Thanh T; bị cáo rút lại kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ tiền án phí.

Các bị hại Võ Thanh P và Võ Thanh T phát biểu ý kiến: bị cáo điều khiển xe mô tô tham gia giao thông để xe lấn trái gây ra tai nạn giao thông, đã gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho Võ Thanh T là 62% và cho Võ Thanh P là 31%. Anh P và cháu T không đồng ý với kháng cáo của bị cáo và yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc B phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là có căn cứ. Tuy nhiên; xét thấy bản thân bị cáo có đủ điều kiện để xem xét cho hưởng án treo như: có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo là có căn cứ chấp nhận. Về trách nhiệm dân sự: xét thấy mức bồi thường tổn thất về tinh thần mà bị hại Võ Thanh P bị tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích 31% yêu cầu bị cáo bồi thường 41.700.000 đồng (30 tháng lương cơ sở x 1.390.000 đồng/tháng = 41.700.000 đồng) và bị hại Võ Thanh T bị tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích 62% yêu cầu bị cáo bồi thường 69.500.000 đồng (50 tháng lương cơ sở x 1.390.000 đồng/tháng = 69.500.000 đồng); căn cứ vào khoản 1 Điều 590 của Bộ luật Dân sự thì mức bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm tối đa không quá 50 tháng lương cơ sở, nên số tiền bồi thường như trên là quá cao, cần giảm số tiền bồi thường tổn thất về tinh thần đối với bị hại P còn 15 tháng lương cơ sở x 1.390.000 đồng/tháng = 20.850.000 đồng và bị hại T còn 25 tháng lương cơ sở x 1.390.000 đồng/tháng = 34.750.000 đồng là phù hợp, do đó kháng cáo yêu cầu giảm tiền bồi thường trách nhiệm dân sự của bị cáo là có căn cứ chấp nhận. Về án phí: ghi nhận bị cáo rút lại kháng cáo phần tiền án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc B 01 năm 06 tháng tù về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm;

- Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; buộc bị cáo Nguyễn Ngọc B bồi thường cho Võ Thanh P và Võ Thanh T số tiền 341.602.000 đồng (trong đó: Võ Thanh P chi phí chữa trị, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng là 35.356.000 đồng; phần thu nhập thực tế bị mất là 43.200.000 đồng; tiền tổn thất về tinh thần là 20.850.000 đồng; Võ Thanh T chi phí chữa trị là 151.253.000 đồng; chi phí thuê xe đi điều trị và tái khám là 12.000.000 đồng; tiền tổn thất về tinh thần là 34.750.000 đồng); ghi nhận bị cáo Nguyễn Ngọc B đã bồi thường trước với số tiền là 20.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo phải tiếp tục bồi thường là 321.602.000 đồng. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bị cáo không tranh luận.

Bị hại Võ Thanh P không tranh luận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Võ Thanh T phát biểu ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và đã cân nhắc hình phạt cho bị cáo. Từ khi xét xử sơ thẩm đến nay bị cáo cũng không bồi thường khoản tiền nào cho phía bị hại. Bị hại T là người chưa thành niên bị thương tích do tai nạn giao thông đã ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và việc học tập của bị hại. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Việc cho bị cáo hưởng án treo là chưa nghiêm và việc giảm nhẹ trách nhiệm bồi thường dân sự của bị cáo đối với bị hại là gây thiệt hại cho phía bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo, bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: vào khoảng 21 giờ ngày 05/7/2018, sau khi đã uống rượu có nồng độ cồn trong máu là 140 mg/100 ml (vượt mức quy định 50 mg/100 ml), bị cáo Nguyễn Ngọc B điều khiển xe mô tô biển số 71B3 – xxx.xx chở phía sau Nguyễn Hoàng Quốc B lưu thông trên đường huyện 01 theo hướng từ nghĩa trang liệt sĩ huyện Châu Thành về ngã tư T. Khi lưu thông đến đoạn đường thuộc ấp P, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thì Nguyễn Ngọc B cho xe mô tô lấn sang phần đường bên trái để vượt xe cùng chiều thì xảy ra va chạm với xe mô tô biển số 71S5 – xxxx do anh Võ Thanh P điều khiển chở phía sau cháu Võ Thanh T đang lưu thông theo hướng ngược lại. Hành vi của Nguyễn Ngọc B đã vi phạm vào khoản 8 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Giao thông đường bộ năm 2008. Hậu quả làm anh Võ Thanh P bị tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 31% và cháu Võ Thanh T bị tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 62%. Với ý thức, hành vi chấp hành Luật Giao thông đường bộ và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc B phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” với tình tiết định khung tăng nặng “*Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được hưởng án treo. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho phía bị hại với số tiền 20.000.000 đồng; gia đình bị cáo có người thân có công với đất nước như có ông nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất, có ông ngoại là thương binh, có cậu ruột là liệt sĩ, có cha được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba, bản thân bị cáo tham gia nghĩa vụ quân sự đã xuất ngũ, bị cáo có con nhỏ chưa thành niên; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, khi tham gia giao thông không tuân thủ đúng quy định của Luật Giao thông đường bộ, điều khiển xe mô tô trong tình trạng đã uống rượu có nồng độ cồn trong máu vượt mức

quy định, để xe mô tô lấn sang phần đường bên trái gây ra tai nạn giao thông hậu quả làm bị hại P bị thương với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 31% và bị hại T bị thương với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 62% trong khi bị hại T là người chưa thành niên và đang là học sinh, lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, gây nguy hại rất lớn cho xã hội, từ khi xét xử sơ thẩm đến nay bị cáo cũng chưa bồi thường thêm khoản tiền nào cho các bị hại; tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, bị hại không đồng ý cho bị cáo hưởng án treo và yêu cầu giữ nguyên Bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là tương xứng và không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần biện pháp chấp hành hình phạt.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm tiền bồi thường thiệt hại đối với phần tiền bồi thường thiệt hại cho Võ Thanh P và Võ Thanh T. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[4.1] Tại phiên tòa sơ thẩm; bị hại Võ Thanh P và bị hại Võ Thanh T yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tổng số tiền 397.202.000 đồng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường trước 20.000.000 đồng và đồng ý tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 377.202.000 đồng cho các bị hại P và T nên được Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận và Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo bồi thường thiệt hại tiếp cho các bị hại Võ Thanh P và bị hại Võ Thanh T tổng số tiền 377.202.000 đồng là có căn cứ pháp luật. Như vậy trách nhiệm dân sự giữa bị cáo với các bị hại xem như đã được thỏa thuận và giải quyết xong. Tại phiên tòa phúc thẩm mặc dù bị cáo kháng cáo yêu cầu giảm số tiền bồi thường nhưng không bổ sung tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình; vì vậy không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm mức bồi thường thiệt hại theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[4.2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã tự nguyện rút kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ tiền án phí nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Phần tiền án phí theo Bản án sơ thẩm đã tuyên xem như đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo; cho bị cáo hưởng án treo là chưa nghiêm và giảm nhẹ trách nhiệm bồi thường dân sự của bị cáo đối với

các bị hại là không phù hợp với sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo với các bị hại tại phiên tòa sơ thẩm nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo bị cáo Nguyễn Ngọc B; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2019/HS-ST ngày 27-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Ghi nhận bị cáo Nguyễn Ngọc B đã bồi thường thiệt hại cho Võ Thanh P và Võ Thanh T số tiền 20.000.000 đ (hai mươi triệu đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc B tiếp tục bồi thường cho Võ Thanh P và Võ Thanh T số tiền 377.202.000 đ (ba trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm lẻ hai ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Ngọc B phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đ (hai trăm ngàn đồng).

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[5] Trong trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Trung tâm TGPLNN tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Châu Thành (3b);
- Công an và VKSND huyện Châu Thành (2b)
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- UBND xã T, huyện Châu Thành (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Bị hại (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tôn Văn Thông